

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 14/5/2021.
V/v “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

2. Bà Phạm Thị Như Sứy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 19/2021/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1994. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã QM, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị N trình bày: Chị và anh T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Thọ, huyện Quế Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 20/12/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn và không có con. Từ cuối năm 2020, vợ chồng đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T cư trú tại thôn Đ, xã QM, huyện QS, tỉnh Quảng Nam; chị N yêu cầu ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “*ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phú Thọ (nay là xã Quế Mỹ), huyện Quế Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 20/12/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N là do vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không có con; từ cuối năm 2020, vợ chồng đã sống ly thân. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa và không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N về tranh chấp "ly hôn".

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Trần Đình T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001744 ngày 19/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Quế Mỹ (Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 20/12/2013)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ